

Số: 58/2020/QĐST-HNGĐ

Tiên Yên, ngày 30 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị O – sinh năm 19..;

- Bị đơn anh Tô Văn Đ – sinh năm 19..;

Cùng địa chỉ: thôn ĐN, xã ĐH, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ: xx LD, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Khánh T – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T – Chi nhánh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số ..., phố QT thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (Quyết định ủy quyền số/QĐ/NHCS ngày 19/01/20...).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Bùi Thị O và anh Tô Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung:

+ Cháu Tô Nhật A đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị Bùi Thị O được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Tô Nguyệt A1 – sinh ngày .././20.. đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Tô Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tô Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung và nợ chung:

+ Về tài sản chung: Chị Bùi Thị O và anh Tô Văn Đ tự thỏa thuận.

+ Về nợ chung: Chị Bùi Thị O, anh Tô Văn Đ và Người đại diện Ngân hàng thỏa thuận chị Bùi Thị O được tiếp tục các khoản vay của Ngân hàng – Phòng giao dịch T – Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh sau đây:

- Hợp đồng tín dụng số 2600054448ĐP/2020/HĐ-TD ký ngày 16/6/2020 giữa Ngân hàng C với anh Tô Văn Đ. Nợ gốc còn lại: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Khoản vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường (Sổ vay vốn) ký giữa Ngân hàng Chính sách xã hội với anh Tô Văn Đ – chị Bùi Thị O (Mã khách hàng 26000544xx – Mã món vay: 66000007155893xx): Nợ gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), đã trả 5.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền nợ gốc còn lại là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

2.3 Về án phí: Chị Bùi Thị O tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001923 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị O được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- UBND xã ĐN;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Đức Tuấn